

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/KDTM-ST
Ngày: 03/5/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng cho
thuê tài chính”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN - TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Duyên

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Mai Hoa
2. Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Đại diện VKSND thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên: Ông **Đình Văn M** – Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 28/2023/TLST-KDTM ngày 11 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXX-KDTM ngày 13/3/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty TNHH Một thành viên C

Địa chỉ: Số A, P, phường P, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Văn T** – chức vụ Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền:

1, Ông **Nguyễn Duy T1** – chức vụ Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên C – chi nhánh H1 (Có mặt)

2, Bà **Lê Thị Vân A** – chức vụ: Chuyên viên quan hệ khách hàng (Có mặt)

- **Bị đơn:** Công ty cổ phần T4

Địa chỉ: Tổ D, phường Q, TP., tỉnh Thái Nguyên

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lương Văn T2** – chức vụ Giám đốc (Vắng mặt).

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1, Ông **Lương Văn T2** (Vắng mặt)

2, Bà **Đặng Thị Thu H** (Vắng mặt)

Cùng HKTT: 32 H, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án người được ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên C trình bày:

Công ty TNHH Một thành viên C là tổ chức tín dụng phi ngân hàng trực thuộc ngân hàng TMCP C (sau đây gọi là ACBL) có chức năng cho thuê tài chính theo quy định của pháp luật Việt Nam. Do Công ty cổ phần T4 (sau đây gọi là công ty T4) có nhu cầu thuê xe ô tô để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của mình nên giữa Công ty TNHH Một thành viên C và Công ty T4 đã ký kết các hợp đồng thuê tài chính như sau:

Hợp đồng cho thuê tài chính số: 09.0920/HĐCTTC-KT ngày 24/09/2020 với các tài sản thuê tài chính thuộc sở hữu của ACBL cụ thể như sau:

- 01 Ô tô khách; Nhân hiệu: HONGHA; Model: UNIVERSE NOBLE; Số khung: RLYB3RHAUFH000007; Số máy: CA6DF2-26*52551868*; Xuất xứ: Việt Nam; Năm sản xuất: 2015; Màu sơn: Vàng; Tình trạng: Đã qua sử dụng; Biển kiểm soát: 20B-022.18.

- 01 Ô tô khách; Nhân hiệu: TRANSINCO; Model: 1-5 CA6110D84-3 K46A1; Số khung: RLP1TLN4UEA001118; Số máy: CA6DF2-24*52516705*; Xuất xứ: Việt Nam; Năm sản xuất: 2014; Màu sơn: Trắng; Tình trạng: Đã qua sử dụng; Biển kiểm soát: 20B-021.20.

Khế ước nhận nợ số 01- 09.0920/HĐCTTC-KT ngày 28/09/2020

Số tiền cho thuê là 1.827.500.000 VNĐ + 100% phí bảo hiểm

Số tiền giải ngân: 1.887.023.750 đồng;

Số tiền ký cược công ty T4 nộp là: 215.000.000 đồng

Lãi suất cho thuê trong hạn: 03 tháng đầu tiên: 9.3 %/năm. Từ tháng thứ 4 trở đi: thay đổi định kỳ 03 tháng/1 lần theo công thức: $LS_{13T} + 4\%/năm$. Trong đó: LS 13T là Lãi suất tiền gửi tiết kiệm đối với khách hàng cá nhân theo niêm yết của Ngân hàng C tại thời điểm xác định lãi suất cho thuê tài chính, loại tiền VND, kỳ hạn 13 tháng, lãi cuối kỳ, bậc 2 hoặc bậc có số dư cao hơn liền kề (nếu không có bậc 2).

Lãi suất quá hạn: 150% x Lãi trong hạn.

- Hợp đồng cho thuê tài chính số 09.0920/HĐCTTC-KT ngày 24/09/2020 của Công ty Cổ phần T4 tại ACBL nêu trên được bảo đảm bằng Giấy bảo lãnh của ông Lương Văn T2 và bà Đặng Thị Thu H ký ngày 03/08/2015. Theo đó, ông Lương Văn T2 và bà Đặng Thị Thu H đồng ý cùng trả nợ cho Công ty Cổ phần T4 khi Công ty Cổ phần T4 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho ACBL.

Quá trình thực hiện Hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên: Công ty T4 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê cho ACBL từ ngày 19/5/2021. Dư nợ gốc còn lại là: 1.336.641.820 đồng, lãi trong hạn là: 29.123.928 đồng, lãi quá hạn là: 35.694 đồng.

Ngày 30/06/2021, Công ty T4 đồng ý tự nguyện bàn giao tài sản cho ACBL để xử lý tài sản theo quy định của ACBL (Theo biên bản bàn giao tài sản đã ký giữa ACBL và Công ty T4 ngày 30/06/2021).- Ngày 19/09/2021, ACBL thuê dịch vụ gửi/giữ xe ô tô, Chi phí thuê dịch vụ là: 11.000.000 đồng (Căn cứ theo Hợp đồng trông giữ xe ô tô giữa ACBL và C1 ngày 19/09/2021).

Ngày 08/12/2021, ACBL thuê dịch vụ thẩm định giá các tài sản cho thuê tài chính, Chi phí thuê dịch vụ thẩm định giá là: 11.000.000 đồng (Căn cứ theo Hợp đồng thẩm định giá số 90/21/HĐKT-DAVI ký giữa ACBL và CT TNHH Thẩm định giá Đ ngày 08/12/2021).

Ngày 04/04/2022, ACBL thuê dịch vụ đấu giá tài sản để bán tài sản cho thuê tài chính của công ty T4 nêu trên. Chi phí bán đấu giá tài sản là: 30.800.000 đồng (Căn cứ theo Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản số 05/2022/HĐDVĐG/TT-ACBL.HN ký giữa ACBL và công ty Đ1 ngày 04/04/2022).

Quá trình bán đấu giá tài sản được ACBL và công ty Đ1 thực hiện theo đúng quy định pháp luật. ACBL đã gửi tất cả các thông báo bán đấu giá các tài sản cho thuê tài chính cho công ty T4 và ông Lương Văn T2, bà Đặng Thị Thu H. Sau 07 phiên đấu giá không có người đăng ký tham gia đấu giá. Giá khởi điểm phiên đấu giá lần 07 không có người đăng ký tham gia đấu giá là 698.401.693 đồng/02 xe.

Ngày 15/07/2022, ACBL gửi Công ty T4 thông báo bán tài sản cho thuê tài chính và đã nhận được xác nhận của Công ty T4 (Thông báo ngày 15/07/2022). Ngày 20/07/2022, ACBL đã bán tài sản cho thuê tài chính là 02 xe Ô tô khách là tài sản thuê tài chính đã nêu trên cho CTCP Đầu tư và X, số tiền bán tài sản thu được là 700.000.000 đồng và số tiền ký cược còn lại 70.374.010 đồng để thu một phần nợ gốc của Công ty Cổ phần T4 tại ACBL. Sau khi thu nợ, dư nợ gốc còn lại là: 487.641.820 đồng.

Tạm tính đến ngày 07/03/2024, Công ty T4 còn nợ ACBL tổng số tiền như sau:

- + Nợ gốc : 487.641.820 đồng
- + Lãi trong hạn: 276.039.440 đồng
- + Lãi quá hạn: 132.946.619 đồng
- + Chi phí thuê bến, bãi: 11.000.000 đồng
- + Chi phí định giá: 11.000.000 đồng
- + Chi phí thuê bán đấu giá: 30.800.000 đồng

Tổng cộng: 949.427.879 đồng

Do đó, Công ty TNHH Một thành viên C cho thuê tài chính Ngân hàng C đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Thái Nguyên giải quyết là: Buộc Công ty Cổ phần T4, trả cho ACBL tổng số nợ còn thiếu (gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, chi phí thuê bến bãi, định giá, bán đấu giá tài sản) tạm tính đến ngày 07/03/2024 là 949.427.879 đồng (bằng chữ: Chín trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn tám trăm bảy mươi chín đồng). Và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận theo Khế ước nhận nợ số 01-09.0920/HĐCTTC-KT ngày 28/09/2020 của Hợp đồng cho thuê tài chính số 09.0920/HĐCTTC-KT ngày 24/09/2020 kể từ ngày 08/03/2024 đến ngày Công ty Cổ phần T4 trả hết nợ cho ACBL. Trường hợp Công ty T4 không trả được nợ yêu cầu người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Lương Văn T2 và bà Đặng Thị Thu H liên đới trả hết số nợ còn thiếu nêu trên thay cho Công ty T4.

*Tại bản tự khai đại diện theo pháp luật của bị đơn (ông Lương Văn T2) trình bày: Nội dung yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Một thành viên C đối với Công ty T4 là đúng, nhưng do làm ăn kinh tế trong đại dịch covid khó khăn nên Công ty T4 không có khả năng chi trả, nay Công ty T4 nhất trí với các yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Một thành viên C và đề nghị Công ty TNHH Một thành viên C xem xét giảm gốc và lãi cho công ty T4.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Thu H trình bày: Bà nhất trí với các ý kiến trình bày tại bản tự khai của ông Lương Văn T2 chồng bà, việc công ty T4 chưa trả được nợ cho Công ty TNHH Một thành viên C là do khách quan.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử: Buộc Công ty cổ phần T4 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Một thành viên C cho thuê tài chính Ngân hàng C tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 03/5/2024 như sau:

- + Nợ gốc : 487.641.820 đồng+ Lãi trong hạn : 282.421.539 đồng+ Lãi quá hạn : 144.479.439 đồng
- + Chi phí thuê bến, bãi: 11.000.000 đồng
- + Chi phí định giá: 11.000.000 đồng
- + Chi phí thuê bán đấu giá: 30.800.000 đồng

Tổng cộng: 967.342.798 đồng

Kể từ ngày 04/5/2024 công ty T4 còn phải tiếp tục chịu các khoản lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo các Hợp đồng cho thuê tài chính số 09.0920/HĐCTTC-KT ngày 24/09/2020 cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp Công ty cổ phần T4 và du lịch Khánh T3 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền còn nợ theo hợp đồng số Hợp đồng cho thuê tài chính số 09.0920/HĐCTTC-KT ngày 24/09/2020 thì ông Lương Văn T2, bà Đặng Thị Thu H có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ của Công ty cổ phần T4 cho Công ty TNHH Một thành viên C.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ các Điều 30, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 17, 18, 21, 22 Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 của Chính Phủ, Nghị quyết số 326 của Quốc hội, giải quyết theo hướng: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Về án phí: Công ty cổ phần T4 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện của Công ty TNHH Một thành viên C cho thuê tài chính Ngân hàng C yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về hợp đồng cho thuê tài chính yêu cầu trả số tiền thuê, tiền lãi trên số tiền chậm trả đối với Công ty cổ phần T4 địa chỉ tổ D, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau đều có mục đích lợi nhuận, căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng cho thuê tài chính” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người đại diện theo pháp luật của bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Xét thấy, người đại diện theo pháp luật của bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có bản nêu ý kiến với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xin vắng mặt tại phiên tòa. Sự vắng mặt của những người này tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ vào Điều 70, 72, Điều 73, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1]. Theo Quyết định về việc ủy quyền số 39/QĐ-TGD.18 ngày 29/8/2018 của Công ty TNHH Một thành viên C, ông Trần Văn T – Tổng giám đốc Công ty TNHH Một thành viên C ủy quyền cho ông Nguyễn Duy T1, giám đốc Công ty TNHH Một thành viên C - chi nhánh H1 được 1. ký kết, thực hiện các hợp đồng cho thuê tài chính, hợp đồng dân sự, hợp đồng thương mại và các văn bản khác có liên quan trong quá trình thực hiện hợp đồng cho thuê tài chính, hợp đồng dân sự, hợp đồng thương mại theo quy định của pháp luật...tham gia tố tụng tại các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật bao gồm: ...ký đơn khởi kiện, kháng cáo các quyết định, bản án của Tòa án và các cơ quan khác...2. Được sử dụng con dấu của Công ty TNHH Một thành viên C cho thuê tài chính Ngân hàng C - chi nhánh H1 trong việc ký kết các văn bản, chứng từ....Việc ủy quyền của ông Trần Văn T cho ông Nguyễn Duy T1 phù hợp với Điều lệ Công ty TNHH Một thành viên C.

Tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần T4 đăng lần đầu ngày 03/11/2005 và thay đổi lần thứ 11 ngày 28/10/2019 thì người đại diện theo pháp luật của công ty cổ phần T4 và du lịch Khánh T3 là ông Lương Văn T2 – chức vụ Giám đốc.

Như vậy, Hợp đồng cho thuê tài chính số: 09.0920/HĐCTTC-KT ngày 24/09/2020, Khế ước nhận nợ số 01-09.0920/HĐCTTC-KT ngày 28/9/2020 giữa Công ty TNHH Một thành viên C và Công ty cổ phần T4 hai bên thống nhất thỏa thuận, ký kết bởi những người có đủ thẩm quyền, hình thức, nội dung hợp đồng không vi phạm các điều cấm, không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Do vậy, hợp đồng là hợp pháp, là có căn cứ pháp lý để các bên thực hiện.

[2.2]. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH Một thành viên C đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình sau khi ký Hợp đồng cho Thuê tài chính đã giải ngân cho Công ty T4 số tiền theo đúng hợp đồng, khế ước nhận nợ hai bên đã ký. Ông Lương Văn T2 giám đốc công ty T4 đã xác nhận là đúng nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cho thuê tài chính, khế ước nhận nợ hai bên đã ký.

Theo quy định tại Điều 12 của Hợp đồng cho thuê tài chính: 1. Bên cho thuê có quyền chấm dứt Hợp đồng cho thuê tài chính trước hạn khi xảy ra một trong các trường hợp sau...1.1. Bên thuê không thanh toán hoặc thanh toán không đúng, đầy đủ số tiền thuê và các nghĩa vụ khác đến hạn cho bên cho thuê theo quy định trong Hợp đồng cho thuê tài chính và các hồ sơ khác có liên quan.

Do vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận nên Công ty TNHH Một thành viên C khởi kiện Công ty T4 yêu cầu thanh toán khoản còn nợ là có cơ sở chấp nhận.

[2.3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với khoản nợ gốc và lãi:

Về khoản nợ gốc: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự xác định: Do Công ty cổ phần T4 có nhu cầu sử dụng thuê ô tô để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của mình và ký Hợp đồng cho thuê tài chính số: 09.0920/HĐCTTC-KT ngày 24/09/2020 với các tài sản thuê tài chính thuộc sở hữu của Công ty TNHH Một thành viên C để thuê:

- 01 Ô tô khách; Nhãn hiệu: HONGHA; Model: UNIVERSE NOBLE; Số khung: RLYB3RHAUFH000007; Số máy: CA6DF2-26*52551868*; Xuất xứ: Việt Nam; Năm sản xuất: 2015; Màu sơn: Vàng; Tình trạng: Đã qua sử dụng; Biển kiểm soát: 20B-022.18.

- 01 Ô tô khách; Nhãn hiệu: TRANSINCO; Model: 1-5 CA6110D84-3 K46A1; Số khung: RLP1TLN4UEA001118; Số máy: CA6DF2-24*52516705*; Xuất xứ: Việt Nam; Năm sản xuất: 2014; Màu sơn: Trắng; Tình trạng: Đã qua sử dụng; Biển kiểm soát: 20B-021.20.

Khế ước nhận nợ số 01- 09.0920/HĐCTTC-KT ngày 28/09/2020

Số tiền cho thuê là 1.827.500.000 VNĐ + 100% phí bảo hiểm

Số tiền giải ngân: 1.887.023.750 đồng;

Số tiền ký cược công ty T4 nộp là: 215.000.000 đồng

Ngày 28/9/2020 Công ty TNHH Một thành viên C đã chuyển khoản số tiền 1.887.023.750 đồng vào tài khoản của Công ty cổ phần T4. Quá trình thực hiện hợp đồng, Số tiền gốc hàng tháng Công ty T4 trả là 78.625.990 đồng, đến ngày 19/5/2021 đã thanh toán được cho Công ty TNHH Một thành viên C số tiền 1.399.381.930 đồng (bao gồm cả số ký tiền cược và số tiền thu từ việc bán các tài sản thuê tài chính của công ty T4). Như vậy, số tiền nợ gốc công ty T4 phải thanh toán cho Công ty TNHH Một thành viên C là 487.641.820 đồng

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Một thành viên C về việc buộc Công ty cổ phần T4 và du lịch Khánh T3 phải trả khoản tiền nợ gốc nêu trên là có căn cứ chấp nhận

Về khoản nợ lãi: Theo thỏa thuận tại Hợp đồng thuê tài chính và khế ước nhận nợ: Lãi suất cho thuê trong hạn: 03 tháng đầu tiên: 9.3 %/năm; Từ tháng thứ 4 trở đi: thay đổi định kỳ 03 tháng/1 lần theo công thức: LS13T + 4%/năm. Trong đó: LS 13T là Lãi suất tiền gửi tiết kiệm đối với khách hàng cá nhân theo niêm yết của Ngân hàng C tại thời điểm xác định lãi suất cho thuê tài chính, loại tiền VND, kỳ hạn 13 tháng, lãi cuối kỳ, bậc 2 hoặc bậc có số dư cao hơn liền kề (nếu không có bậc 2).

Lãi suất quá hạn: 150% x Lãi trong hạn.

Thời hạn thuê: 24 tháng

Căn cứ vào thỏa thuận trên Công ty T4 phải trả số tiền lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn được tính quy định trong Hợp đồng cho thuê tài chính, kế ước nhận nợ hai bên đã ký cụ thể được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng. Do vi phạm hợp đồng, Công ty TNHH Một thành viên C cho thuê tài chính Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn do chậm thanh toán là có căn cứ. Tính đến ngày 3/5/2024 công ty T4 phải thanh toán số tiền lãi cho Công ty TNHH Một thành viên C cho thuê tài chính Ngân hàng C là: Lãi trong hạn : 282.421.539 đồng; Lãi quá hạn : 144.479.439 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Công ty T4 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc.

[3]. Xét yêu cầu về chi phí thu hồi tài sản (chi phí thuê bến bãi, chi phí định giá, chi phí thuê bán đấu giá):

Để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán số tiền thuê tại Hợp đồng thuê tài chính Công ty T4 đã ký giao dịch bảo đảm, Hợp đồng đối với 02 xe ô tô khách: 01 Ô tô khách; Nhãn hiệu: HONGHA; Model: UNIVERSE NOBLE; Số khung: RLYB3RHAUFH000007; Số máy: CA6DF2-26*52551868*; Xuất xứ: Việt Nam; Năm sản xuất: 2015; Màu sơn: Vàng; Tình trạng: Đã qua sử dụng; Biển kiểm soát: 20B-022.18; 01 Ô tô khách; Nhãn hiệu: TRANSINCO; Model: 1-5 CA6110D84-3 K46A1; Số khung: RLP1TLN4UEA001118; Số máy: CA6DF2-24*52516705*; Xuất xứ: Việt Nam; Năm sản xuất: 2014; Màu sơn: Trắng; Tình trạng: Đã qua sử dụng; Biển kiểm soát: 20B-021.20, được cấp chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm hợp đồng tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội ngày 24/9/2020.

Do vi phạm nghĩa vụ Hợp đồng cho thuê tài chính, ngày 30/06/2021, Công ty T4 đồng ý tự nguyện bàn giao tài sản là 02 ô tô khách trên cho Công ty TNHH Một thành viên C để xử lý tài sản theo quy định.

Ngày 19/09/2021, Công ty TNHH Một thành viên C ký hợp đồng thuê dịch vụ gửi/giữ xe ô tô với công T5, Chi phí thuê dịch vụ là: 11.000.000 đồng.

Ngày 08/12/2021, Công ty TNHH Một thành viên C ký hợp đồng thuê dịch vụ thẩm định giá các tài sản cho thuê tài chính với công ty TNHH T6, Chi phí thuê dịch vụ thẩm định giá là: 11.000.000 đồng.

Ngày 04/04/2022, Công ty TNHH Một thành viên C ký hợp đồng thuê dịch vụ đấu giá tài sản để bán tài sản cho thuê tài chính của công ty T4 với Công ty TNHH Đ1. Chi phí bán đấu giá tài sản là: 30.800.000 đồng.

Qua đấu giá ngày 20/7/2022, Công ty TNHH Một thành viên C bán tài sản cho thuê tài chính là 02 xe ô tô BKS 20B-022.18 và BKS 20B-021.20 được 700.000.000 đồng, Công ty TNHH Một thành viên C cho thuê tài chính Ngân hàng C đã dùng toàn bộ số tiền thu được từ việc bán các tài sản thuê tài chính và số tiền ký cược còn lại để thu một phần nợ gốc của Công ty Cổ phần T4.

Do đó, Công ty TNHH Một thành viên C cho thuê tài chính Ngân hàng C yêu cầu Công ty T4 phải thanh toán phù hợp với quy định tại mục 1.3 Điều 13 Hợp đồng thuê nên có căn cứ chấp nhận.

[4]. Về nghĩa vụ bảo lãnh: Ngày 03/8/2015, ông Lương Văn T2, bà Đặng Thị Thu H đã ký giấy bảo lãnh cá nhân đối với Hợp đồng cho thuê tài chính số: 09.0920/HĐCTTC-KT ngày 24/09/2020, Khế ước nhận nợ số 01-09.0920/HĐCTTC-KT ngày 28/9/2020 giữa Công ty TNHH Một thành viên C và Công ty cổ phần T4. Giấy bảo lãnh có nội dung “*Bảo lãnh nghĩa vụ trả nợ bao gồm các nghĩa vụ trả nợ của Bên thuê với bên cho thuê (gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí, các khoản trả khác) theo các Hợp đồng cho thuê tài chính, phụ lục Hợp đồng cho thuê tài chính, khế ước nhận nợ và các cam kết khác của bên thuê với bên cho thuê; Các nghĩa vụ trả nợ là nghĩa vụ của Bên thuê với bên cho thuê bao gồm cả các nghĩa vụ phát sinh trước hoặc sau thời điểm ký giấy bảo lãnh này; Bên Bảo lãnh chấp nhận nội dung tất cả các điều khoản trong các Hợp đồng cho thuê tài chính, phụ lục Hợp đồng cho thuê tài chính, khế ước nhận nợ và các cam kết khác của Bên thuê với bên cho thuê...Bên bảo lãnh đồng ý cùng trả nợ với bên cho thuê theo đúng kỳ hạn và các nội dung khác của Hợp đồng cho thuê tài chính...Bên bảo lãnh đồng ý trả thay cho Bên thuê các khoản nợ của Bên thuê với bên cho thuê khi bên thuê không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ...bên cho thuê có quyền yêu cầu một trong hai bên – Bên bảo lãnh và bên thuê hoặc cả hai bên cùng thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bên cho thuê.*

Như vậy, việc ông T2, bà H viết giấy bảo lãnh là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, phù hợp quy định tại Điều 335, 336, 338, Điều 342 Bộ luật dân sự 2015. Trong trường hợp Công ty T4 không thanh toán hết số nợ cho Công ty TNHH Một thành viên C thì ông T2, bà H phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH Một thành viên C số tiền công ty T4 còn phải thanh toán theo giấy bảo lãnh đã ký kết. Do đó, Công ty TNHH Một thành viên C yêu cầu ông T2, bà H phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh giấy bảo lãnh đã ký là có cơ sở chấp nhận.

[5]. Về án phí: Đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền 41.020.285 đồng (Bốn mươi một triệu không trăm hai mươi nghìn, hai trăm tám mươi lăm đồng), hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho nguyên đơn.

[6]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[7]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ quy định tại Điều 335, 336, 338 và Điều 342 Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ khoản 4 Điều 112 và Điều 113 Luật các tổ chức tín dụng; Căn cứ Điều 17, 18, 21, 22 Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về hoạt động của công ty C và công ty cho thuê tài chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Một thành viên C về việc “*Tranh chấp hợp đồng thuê tài chính*” với Công ty cổ phần T4.

1. Buộc Công ty cổ phần T4 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Một thành viên C theo Hợp đồng cho thuê tài chính số: 09.0920/HĐCTTC-KT ngày 24/09/2020, Khế ước nhận nợ số 01-09.0920/HĐCTTC-KT ngày 28/9/2020, tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 03/5/2024) là 967.342.798 đồng, trong đó: Nợ gốc: 487.641.820 đồng; Lãi trong hạn: 282.421.539 đồng; Lãi quá hạn: 144.479.439 đồng; Chi phí thuê bến, bãi: 11.000.000 đồng; Chi phí định giá: 11.000.000 đồng; Chi phí thuê bán đấu giá: 30.800.000 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo các Hợp đồng cho thuê tài chính số 09.0920/HĐCTTC-KT ngày 24/09/2020, Khế ước nhận nợ số 01-09.0920/HĐCTTC-KT ngày 28/9/2020.

3. Trường hợp Công ty cổ phần T4 và du lịch Khánh T3 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền còn nợ theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 09.0920/HĐCTTC-KT ngày 24/09/2020, Khế ước nhận nợ số 01-09.0920/HĐCTTC-KT ngày 28/9/2020 thì ông Lương Văn T2, bà Đặng Thị Thu H có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty TNHH Một thành viên C theo nội

dung giấy bảo lãnh cá nhân ngày 03/8/2015 cho đến khi thanh toán xong số tiền còn nợ.

4. Về án phí:

4.1. Buộc Công ty cổ phần T4 phải chịu 41.020.285 đồng (Bốn mươi một triệu không trăm hai mươi nghìn, hai trăm tám mươi lăm đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

4.2. Trả lại cho Công ty TNHH Một thành viên C số tiền 18.114.000 đồng (Mười tám triệu một trăm mười bốn nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002053 ngày 11/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

5. Quyền kháng cáo: Công ty TNHH Một thành viên C có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty cổ phần T4 và du lịch K, ông Lương Văn T2, bà Đặng Thị Thu H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Thái Nguyên
- Chi cục THADS thành phố Thái Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Duyên